BSC

Thứ năm, ngày 17 tháng 6 năm 2021

Vietnam Daily Review

Tăng điểm về cuối phiên

Tổng quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/6/2021		•	
Tuần 14/6-18/6/2021		•	
Tháng 6/2021		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: VNIndex mất điểm ngay từ đầu phiên sáng do ảnh hưởng từ việc thị trường thế giới ở trong sắc đỏ nhưng lực cầu bắt đáy đã xuất hiện và giúp chỉ số tăng dần và lấy lại sắc xanh vào phiên chiều. Dòng tiền đầu tư gia tăng trở lại với 13/19 nhóm ngành tăng điểm. Trong khi đó, khối ngoại bán ròng trên sàn HSX và mua ròng trên sàn HNX. Ngoài ra, độ rộng thị trường chuyển sang trạng thái tích cực với thanh khoản không chênh lệch nhiều so với phiên trước. Theo đánh giá của chúng tôi, áp lực bán vẫn có thể quay trở lại vào phiên cuối cùng của tuần giao dịch hiện tại.

Hợp đồng tương lai: Ngoại trừ VN30F2112, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

Phân tích kỹ thuật: HBC_Hồi phục (Trang 3)

Điểm nhấn

• VN-Index +3.4 điểm, đóng cửa 1359.92. HNX-Index +3.42 điểm, đóng cửa 317.07.
• Kéo chỉ số tăng: GAS (+1.21); MBB (+0.93); VCB (+0.81); BID (+0.71); MWG (+0.61).
• Kéo chỉ số giảm: VIC (-1.35); VPB (-0.97); SSB (-0.53); SAB (-0.37); HVN (-0.35).
• Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 21,899 tỷ đồng, -1.2% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 22,518 tỷ đồng.
• Biên độ dao động là 27.06 điểm. Thị trường có 219 mã tăng, 57 mã tham chiếu và 165 mã giảm.
• Giá trị bán ròng của khối ngoại: -115.78 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HPG (-160.1 tỷ), CTG (-156.1 tỷ) và MBB (-145.6 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị 20.16 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức
ducnt@bsc.com.vn

VN-INDEX **1359.92**
Giá trị: 21899.37 tỷ 3.4 (0.25%)
Khối ngoại (ròng): -115.78 tỷ

HNX-INDEX **317.07**
Giá trị: 3515.2 tỷ 3.42 (1.09%)
Khối ngoại (ròng): 20.16 tỷ

UPCOM-INDEX **89.55**
Giá trị: 1251.4 tỷ 0.73 (0.82%)
Khối ngoại(ròng): 22.14 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	71.8	-0.55%
Giá vàng	1,805	-0.35%
Tỷ giá USD/VND	22,984	0.09%
Tỷ giá EUR/VND	27,441	-0.35%
Tỷ giá JPY/VND	20,769	0.13%
LS liên NH 1 tháng	1.5%	9.47%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-2.02%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VCB	216.5	HPG	160.1
VNM	63.3	CTG	156.1
VRE	55.2	MBB	145.6
VHM	43.1	HSG	40.0
SSI	40.1	NVL	32.6

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11

BSC

6/17/2021

Vietnam Daily Review

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/6

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	71.52	-0.87%	1.75%	7.91%	76.77%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	73.75	-0.86%	1.70%	7.63%	70.13%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	213.61	-0.93%	-3.44%	-0.81%	66.69%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1817.50	0.33%	-4.27%	-2.78%	2.52%		PNJ
Bạc	USD/ounce	27.21	0.85%	-2.78%	-3.45%	52.38%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1330.50	-0.95%	-8.84%	-4.76%	52.23%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	665.00	-0.11%	-3.59%	-4.93%	27.52%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.33	0.46%	0.76%	-8.40%	6.65%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	213.05	-0.46%	-2.61%			DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	17.20	0.00%	-3.10%	0.82%	42.50%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	155.45	1.44%	-2.42%	5.78%	49.11%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	9667.00	1.02%	-3.12%	-5.60%	67.54%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	789.78	-0.69%	0.23%	-9.51%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	829.79	-0.84%	-0.52%	-11.32%			
Nhôm	USD/ton	2469.50	0.10%	0.45%	0.26%	53.62%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	189.82	0.29%	3.63%	2.63%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	117.00	0.78%	2.45%	23.35%	79.04%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

• Giá dầu tăng phiên thứ 5 liên tiếp lên gần 75 USD/thùng, do các nhà máy lọc dầu Mỹ sử dụng thêm kho dự trữ dầu thô để thúc đẩy hoạt động và đáp ứng nhu cầu hồi phục.

• Chốt phiên giao dịch ngày 16/6, dầu thô Brent tăng 40 US cent tương đương 0,5% lên 74,39 USD/thùng – cao nhất kể từ tháng 4/2019 và tăng 5 phiên liên tiếp, dầu thô Tây Texas WTI tăng 3 US cent lên 72,15 USD/thùng, trong phiên có lúc đạt 72,99 USD/thùng – cao nhất kể từ tháng 10/2018. Tính từ đầu năm đến nay, giá dầu Brent tăng 44% được hỗ trợ bởi Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC) và các đồng minh, được gọi là OPEC+ cắt giảm nguồn cung và nhu cầu hồi phục.

Giá vàng

• Giá vàng giảm hơn 1%, sau khi các quan chức của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ đưa ra dự đoán về đợt tăng lãi suất đầu tiên sau đại dịch vào năm 2023.

• Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 1,1% xuống 1.839,06 USD/ounce, trước đó trong phiên chạm mức thấp nhất kể từ ngày 14/5/2021 (1.833,65 USD/ounce), trong khi vàng kỳ hạn tháng 8/2021 trên sàn New York tăng 0,3% lên 1.861,4 USD/ounce.

Giá sắt thép

• Giá quặng sắt tại Trung Quốc giảm, do xuất khẩu từ các nhà cung cấp lớn tăng và theo xu hướng giá thép giảm, khi các thương nhân lo ngại về các biện pháp kiểm soát tiềm năng của chính phủ.

• Giá quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn Đại Liên giảm 1,5% xuống 1.198 CNY (187,26 USD)/tấn.

Giá cao su

• Giá cao su tại Nhật Bản giảm phiên thứ 3 liên tiếp, chịu áp lực giảm bởi lo ngại nỗ lực ổn định giá hàng hóa của Bắc Kinh, cũng như mối lo ngại nhu cầu lốp xe tại nước mua hàng đầu – Trung Quốc – suy giảm.

• Giá cao su kỳ hạn tháng 11/2021 trên sàn Osaka giảm 1,8 JPY xuống 235,2 JPY (2,1 USD)/kg.

Giá nông sản

• Giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 9/2021 trên sàn ICE tăng 2,2 US cent tương đương 1,4% lên 1,5545 USD/lb, trong phiên trước đó chạm mức thấp nhất kể từ cuối tháng 5/2021 (1.528 USD/lb).

• Giá đường thô kỳ hạn tháng 7/2021 trên sàn ICE thay đổi nhẹ ở mức 17,04 US cent/lb.

	17/6	% 17/6	16/6	% 16/6	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1359.92	0.25%	1356.52	-0.79%	2.75%	8.56%
S&P 500			4223.70	-0.54%	0.10%	1.19%
HĐTL S&P500	4194.50	-0.44%	4213.00	-0.55%	-0.81%	1.12%
Shang- hai	3525.60	0.21%	3518.33	-1.07%	-1.83%	0.23%
Euro Stoxx	4140.60	-0.27%	4151.76	0.20%	1.09%	3.38%

BSC

6/17/2021

Vietnam Daily Review

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

HBC_Hồi phục

Điểm nhấn kỹ thuật:
- Xu hướng hiện tại: Hồi phục.
- Chỉ báo xu hướng MACD: đường MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Ở trên giá trị 50.
- Đường MA: Xuất hiện Golden Cross.

Nhận định: HBC đang ở trạng thái tăng giá trở lại sau khi có giai đoạn giảm trong tháng 4 và tháng 5. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây vẫn giữ giá trị ổn định. Các chỉ báo xu hướng hiện đang ở trong trạng thái khả quan. Chỉ báo động lượng RSI ở trên giá trị 50 nhưng chưa đi vào vùng quá mua đồng thời đường EMA12 vừa cắt lên trên đường EMA26 nên cổ phiếu tiềm năng sẽ duy trì đà tăng trong ngắn hạn. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của HBC nằm tại khu vực xung quanh 16. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại mức 18.5, cắt lỗ nếu ngưỡng 15.3 bị xuyên thủng.

Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Hóa chất	4.67%
Bảo hiểm	1.81%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	1.78%
Dầu khí	1.60%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.51%
Xây dựng và Vật liệu	1.32%
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.25%
Bán lẻ	1.17%
Dịch vụ tài chính	0.98%
Y tế	0.77%
Ô tô và phụ tùng	0.62%
Truyền thông	0.59%
Ngân hàng	0.36%
Tài nguyên Cơ bản	-0.40%
Thực phẩm và đồ uống	-0.49%
Công nghệ Thông tin	-0.49%
Du lịch và Giải trí	-0.57%
Bất động sản	-0.69%
Viễn thông	-6.72%

Hình 1

HSX-Index Intraday

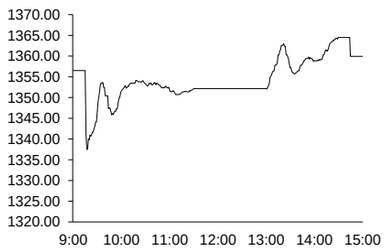

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday

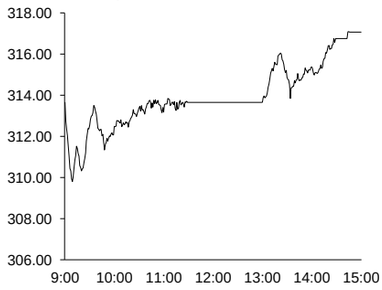

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
6/16/2021	GEG	17.2	19.5	16	17.4	1	1.16%	Có thể giữ nguyên vị thế
6/15/2021	BMP	60.5	67	58.5	61.4	2	1.49%	Có thể tiếp tục mua
6/14/2021	FRT	27.1	32	25	27.8	3	2.58%	Có thể tiếp tục mua
6/11/2021	BVH	57.3	63.5	54.5	62	6	8.20%	Cân nhắc không mua thêm (**)
6/10/2021	ASM	14.2	16	12.75	14.5	7	2.11%	Có thể tiếp tục mua
6/9/2021	LCG	13.1	14.5	12.25	14.15	8	8.02%	Có thể tiếp tục mua
6/8/2021	SBT	21.2	23.5	20	22.55	9	6.37%	Có thể tiếp tục mua
6/4/2021	KBC	35.5	43	32	38.95	13	9.72%	Có thể tiếp tục mua
6/3/2021	KSB	28.85	32.5	27	30.95	14	7.28%	Có thể tiếp tục mua
6/2/2021	CEO	10.4	12.5	9.5	10.4	15	0.00%	Có thể tiếp tục mua
5/31/2021	PC1	27.6	32.5	23.5	28.2	17	2.17%	Có thể tiếp tục mua
5/28/2021	IDC	37.4	41.5	35.5	39.3	20	5.08%	Có thể tiếp tục mua
5/27/2021	LAS	11.4	13	10.4	12	21	5.26%	Có thể tiếp tục mua
5/20/2021	REE	58.4	63.4	52	60	28	2.74%	Có thể tiếp tục mua
5/19/2021	DRC	25.83	31.37	24.72	30.8	29	19.24%	Cân nhắc không mua thêm (**)
4/28/2021	PAC	35.5	39.5	30.5	35.8	50	0.85%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích: **(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt** **(**) Tiệm cận giá mục tiêu**

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
6/7/2021	D2D	54.3	60	52	SL	3	-4.24%
6/1/2021	PLC	26.8	29.5	25.8	TP	6	10.07%
5/26/2021	FMC	33.45	37	32.15	SL	7	-3.89%
5/25/2021	CTS	17.25	20	16.5	TP	7	15.94%
5/24/2021	VTP	90.8	100	86.3	TP	15	10.13%
5/21/2021	DXG	24.35	29	22.5	TP	13	19.10%
5/18/2021	FLC	12.45	14	10	TP	17	12.45%
5/17/2021	VSC	51	57	48	TP	25	11.76%
5/14/2021	SHS	30.1	33.5	26.8	TP	6	11.30%
5/13/2021	ANV	23.05	28.5	21.8	TP	25	23.64%
5/12/2021	SSI	34.8	43.5	32.7	TP	19	25.00%
5/11/2021	MBS	25.7	35	22.5	SL	6	-12.45%
5/10/2021	HCM	33.2	40.64	30.27	TP	24	22.41%
5/7/2021	TPB	29.1	36.5	27.5	TP	24	25.43%
5/6/2021	MBB	31.6	39	28.2	FS	26	20.89%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất **TP - Đã chốt lời** **SL - Đã cắt lỗ** **FS - Đóng vị thế sớm**

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	16	0	5.14%	0.00%	5.14%	15
Cổ phiếu đã chốt	154	86	13.67%	-8.12%	5.86%	27

Thị trường hợp đồng tương lai

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Hình 4

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday

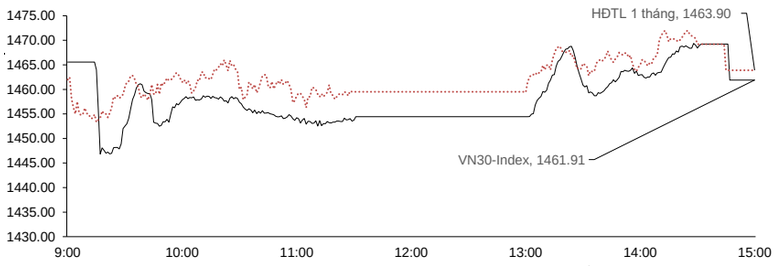

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 2

Top tăng điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
MBB	39.90	3.10	2.47
MWG	139.00	1.46	0.76
REE	60.00	5.45	0.53
SSI	50.50	2.23	0.52
STB	29.40	0.68	0.42

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2106	1463.90	-0.34%	1.99	-29.5%	178,333	6/17/2021	0
VN30F2107	1467.00	-0.20%	5.09	98.7%	24,373	7/15/2021	28
VN30F2109	1464.90	-0.06%	2.99	40.8%	107	9/16/2021	91
VN30F2112	1463.50	0.02%	1.59	-69.0%	61	12/16/2021	182

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3

Top giảm điểm VN30

CK	Giá	±giá (%)	Index pt
VIC	117.0	-1.76	-1.58
VPB	66.0	-1.20	-1.56
TCB	50.2	-0.99	-1.40
HPG	51.4	-0.77	-1.21
VNM	91.0	-0.87	-1.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 Index giảm −3.67 điểm xuống 1461.91 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VPB, VIC, TCB, VNM, HPG tác động mạnh đến điều chỉnh giảm của VN30. VN30 giảm mạnh đầu phiên xuống quanh 1445 điểm, trước khi giành phần lớn thời gian giao dịch còn lại giằng co quanh 1455-1465 điểm. VN30 có thể tích lũy trong những phiên tiếp theo.

• Ngoại trừ VN30F2112, các HĐTL đều giảm theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2107 và VN30F2112 đang tăng, trong khi VN30F2109 đang giảm. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp canh mua cho các hợp đồng dài hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CREE2101	7/6/2021	19	4:1	336,400	30.47%	2,300	2,800	21.74%	3,030	0.92	57,200	48,000	60,000
CMBB2101	7/6/2021	19	2:1	275,800	36.50%	1,600	7,200	4.96%	6,982	1.03	29,200	26,000	39,900
CSTB2103	8/9/2021	53	2:1	93,200	45.41%	1,400	7,700	1.32%	5,763	1.34	20,800	18,000	29,400
CTCB2103	8/9/2021	53	2:1	171,600	37.59%	2,900	9,400	1.08%	7,479	1.26	41,300	35,500	50,200
CTCB2101	10/5/2021	110	1:1	51,500	37.59%	5,000	23,900	0.84%	9,305	2.57	36,000	31,000	50,200
CHPG2105	8/9/2021	53	2:1	62,600	36.29%	3,000	16,440	-0.06%	4,936	3.33	48,000	42,000	51,400
CHPG2020	6/30/2021	13	1:1	25,000	36.29%	5,700	43,950	-0.11%	25,444	1.73	23,307	19,116	51,400
CTCB2102	7/6/2021	19	2:1	96,100	37.59%	2,300	7,740	-0.13%	7,144	1.08	40,600	36,000	50,200
CSTB2104	8/27/2021	71	1:1	126,700	45.41%	4,000	10,050	-0.50%	6,948	1.45	26,900	22,900	29,400
CHPG2106	8/27/2021	71	2:1	46,700	36.29%	4,100	13,500	-0.74%	2,062	6.55	42,937	36,908	51,400
CTCB2012	7/30/2021	43	1:1	75,900	37.59%	5,400	29,000	-1.02%	28,323	1.02	27,400	22,000	50,200
CVHM2104	8/9/2021	53	10:1	241,500	31.71%	1,600	3,090	-1.28%	1,284	2.41	114,000	98,000	109,000
CHPG2108	8/12/2021	56	5:1	232,600	36.29%	1,200	5,370	-1.29%	137	39.17	48,124	43,713	51,400
CHPG2107	8/12/2021	56	5:1	185,500	36.29%	1,300	5,460	-1.44%	140	39.08	48,463	43,684	51,400
CVPB2103	8/9/2021	53	2:1	108,800	37.34%	2,700	15,350	-1.60%	14,875	1.03	41,900	36,500	66,000
CVPB2015	7/30/2021	43	1:1	23,600	37.34%	5,600	39,600	-2.34%	40,145	0.99	31,600	26,000	66,000
CMSN2103	8/13/2021	57	6:1	120,900	40.36%	3,000	5,610	-3.11%	2,805	2.00	106,000	88,000	103,000
CFPT2016	6/22/2021	5	5:1	131,100	30.39%	2,580	9,000	-3.23%	6,527	1.38	54,137	43,034	82,600
CVHM2106	8/12/2021	56	10:1	164,200	31.71%	1,300	3,310	-4.34%	227	14.55	131,668	118,668	109,000
CVHM2102	7/6/2021	19	10:1	243,900	31.71%	1,900	2,500	-9.75%	2,222	1.13	106,000	87,000	109,000
			Tổng	2,477,200	37.11%**								

Chú thích: ***Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất***

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*****Trung bình độ lệch chuẩn***

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

****Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes***

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 17/6/2021, phần lớn chứng quyền đều giảm theo chứng khoán cơ sở. Giá trị giao dịch giảm.

• CVHM2101 và CSBT2101 giảm mạnh lần lượt là -12.46% và -10.80%. Giá trị giao dịch giảm -13.45%. CTCB2012 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 6.40% thị trường.

• CREE2101, CMBB2101, CVPB2101, CTCB2012, và CVPB2015 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CHPG2101, CVPB2015, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CVPB2015, CTCB2012, và CHPG2020 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	139.0	1.5%	0.9	2,873	7.8	9,051	15.4	3.8	49.0%	27.2%
PNJ	Bán lẻ	95.5	0.4%	1.0	944	1.5	4,974	19.2	3.8	49.0%	21.0%
BVH	Bảo hiểm	62.0	2.8%	1.4	2,001	5.1	2,548	24.3	2.2	27.2%	9.5%
PVI	Bảo hiểm	42.5	1.9%	0.5	413	0.2	3,809	11.2	1.3	54.9%	12.2%
VIC	Bất động sản	117.0	-1.8%	0.7	17,206	14.6	2,174	53.8	4.9	14.1%	9.0%
VRE	Bất động sản	32.9	0.2%	1.1	3,245	8.1	1,175	27.9	2.5	30.5%	9.3%
VHM	Bất động sản	109.0	-0.9%	1.0	15,589	18.3	7,874	13.8	3.9	22.6%	33.6%
DXG	Bất động sản	24.2	1.0%	1.3	544	9.7	(61)		1.9	25.9%	-0.5%
SSI	Chứng khoán	50.5	2.2%	1.5	1,435	23.2	2,776	18.2	2.9	47.7%	16.2%
VCI	Chứng khoán	98.3	-0.2%	1.0	712	12.8	5,703	17.2	3.3	22.4%	22.1%
HCM	Chứng khoán	44.5	-0.1%	1.6	590	12.9	2,462	18.1	2.8	48.1%	16.4%
FPT	Công nghệ	82.6	-0.6%	0.9	3,259	8.0	4,103	20.1	4.5	49.0%	23.6%
FOX	Công nghệ	89.9	3.9%	0.4	1,069	0.1	5,165	17.4	5.2	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	93.9	2.2%	1.4	7,814	6.7	3,946	23.8	3.6	2.5%	14.9%
PLX	Dầu khí	56.7	1.3%	1.5	3,066	7.6	2,915	19.5	3.0	17.3%	16.8%
PVS	Dầu khí	30.0	2.4%	1.7	623	21.0	1,375	21.8	1.2	8.0%	5.4%
BSR	Dầu khí	21.3	1.4%	0.8	2,871	19.5	(909)	N/A	N/A	2.1	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	95.0	0.0%	0.3	540	0.0	5,647	16.8	3.3	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	21.7	1.6%	0.7	368	2.7	1,928	11.2	1.1	14.7%	9.4%
DCM	Hóa chất	20.2	2.5%	0.6	465	3.2	1,122	18.0	1.7	2.3%	9.4%
VCB	Ngân hàng	104.2	0.2%	1.1	16,803	7.1	5,709	18.3	3.8	23.3%	22.8%
BID	Ngân hàng	45.9	1.3%	1.3	8,027	7.1	2,048	22.4	2.3	16.6%	10.6%
CTG	Ngân hàng	50.5	0.0%	1.3	8,175	37.9	4,765	10.6	2.1	25.3%	20.9%
VPB	Ngân hàng	66.0	-1.2%	1.2	7,044	44.9	4,626	14.3	2.9	15.4%	22.5%
MBB	Ngân hàng	39.9	3.1%	1.2	4,855	43.7	3,612	11.0	2.2	21.7%	21.6%
ACB	Ngân hàng	34.9	0.6%	1.0	4,100	9.6	3,194	10.9	2.5	30.0%	25.6%
BMP	Nhựa	61.4	0.7%	0.7	219	0.7	6,160	10.0	2.1	82.6%	20.3%
NTP	Nhựa	51.5	1.8%	0.5	264	0.2	3,988	12.9	2.2	19.4%	17.8%
MSR	Tài nguyên	21.4	-0.5%	0.7	1,023	0.8	39	548.7	1.7	10.1%	0.3%
HPG	Thép	51.4	-0.8%	1.1	9,996	45.2	4,056	12.7	3.5	26.1%	31.3%
HSG	Thép	41.8	3.2%	1.4	889	19.5	4,914	8.5	2.5	8.5%	35.0%
VNM	Tiêu dùng	91.0	-0.9%	0.7	8,269	9.5	4,682	19.4	6.1	54.8%	31.9%
SAB	Tiêu dùng	166.0	-1.8%	0.8	4,628	0.6	7,561	22.0	5.4	62.8%	26.7%
MSN	Tiêu dùng	103.0	-1.2%	0.9	5,287	6.2	1,281	80.4	7.5	32.9%	5.1%
SBT	Tiêu dùng	22.6	6.9%	1.2	605	13.4	1,131	19.9	1.8	8.8%	8.7%
ACV	Vận tải	71.4	-0.8%	0.8	6,758	0.2	577	123.7	4.1	3.5%	3.4%
VJC	Vận tải	116.5	0.0%	1.1	2,743	3.0	2,256		4.2	18.3%	8.3%
HVN	Vận tải	26.9	-2.4%	1.7	1,659	1.7	(9,327)		26.5	9.2%	-155.4%
GMD	Vận tải	44.0	4.3%	1.0	577	8.7	1,246	35.3	2.2	41.0%	6.2%
PVT	Vận tải	21.2	1.0%	1.3	298	6.1	2,281	9.3	1.4	12.8%	15.5%
VCS	Vật liệu xây dựng	107.6	2.7%	1.0	749	2.5	8,479	12.7	4.1	3.9%	39.2%
VGC	Vật liệu xây dựng	29.2	0.7%	0.4	569	0.2	1,604	18.2	2.0	6.0%	10.9%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.8	-0.3%	0.9	279	0.8	1,566	10.7	1.2	2.8%	11.0%
CTD	Xây dựng	62.5	-0.6%	1.0	202	0.4	3,352	18.6	0.6	44.0%	3.0%
CII	Xây dựng	19.1	1.6%	0.5	198	2.0	56	343.3	1.0	24.0%	0.2%
REE	Điện	60.0	5.4%	-1.4	806	2.7	5,770	10.4	1.6	49.0%	16.3%
PC1	Điện	28.2	-0.7%	-0.4	234	0.6	2,371	11.9	1.3	10.8%	13.2%
POW	Điện	12.4	2.9%	0.6	1,263	8.9	1,037	12.0	1.0	3.1%	8.6%
NT2	Điện	20.7	-0.5%	0.5	259	0.3	1,872	11.1	1.4	14.8%	12.8%
KBC	Khu công nghiệp	39.0	4.0%	1.0	796	24.3	1,639	23.8	1.8	19.8%	7.8%
BCM	Khu công nghiệp	55.0	0%	0.9	2,475	0.0			3.5	2.0%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
GVR	33.95	5.93	2.09	9.88MLN
GAS	93.90	2.18	1.05	1.66MLN
MBB	39.90	3.10	0.92	25.76MLN
BID	45.90	1.32	0.66	3.58MLN
LPB	29.50	5.36	0.44	11.37MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NVB	19.20	5.49	0.58	8.14MLN
VND	43.90	2.81	0.56	5.73MLN
SHB	27.20	0.74	0.44	30.61MLN
PVS	30.00	2.39	0.24	16.28MLN
SHS	42.20	1.69	0.20	7.50MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIC	0.00	-1.95	2.85MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-0.92	3.87MLN	607060
VPB	0.00	-0.54	15.73MLN	373600
SAB	0.00	-0.53	82700	192700
TCB	0.00	-0.48	18.68MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BAB	26.50	-0.38	-0.09	161900
HTC	31.60	-9.46	-0.03	3000
TVC	14.50	-2.68	-0.02	844000
IDV	69.80	-1.83	-0.02	4000
CTX	8.10	-7.95	-0.02	1200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NBB	29.10	6.99	0.05	219100.00
AAA	19.15	6.98	0.10	24.67MLN
GTA	15.40	6.94	0.00	74800
VDS	26.20	6.94	0.05	1.59MLN
DBT	17.00	6.92	0.00	288200

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
DNP	23.10	10.0	0.18	20100
DPC	21.00	10.0	0.00	3400
VSA	27.10	9.7	0.01	41200
KTS	17.00	9.7	0.01	34100
NBW	22.80	9.6	0.01	5600.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	8.64	-7.00	0.00	1800
CIG	6.01	-6.97	0.00	14700
SFC	25.80	-6.86	-0.01	100.00
NVT	9.78	-6.86	-0.02	800
SVI	78.00	-6.81	-0.02	400

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
LBE	20.90	-9.91	0.00	400
VDL	21.30	-9.75	-0.01	100
HTC	31.60	-9.46	-0.03	3000
NDX	8.80	-9.28	0.00	43800
CAN	34.50	-9.21	-0.01	100

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại

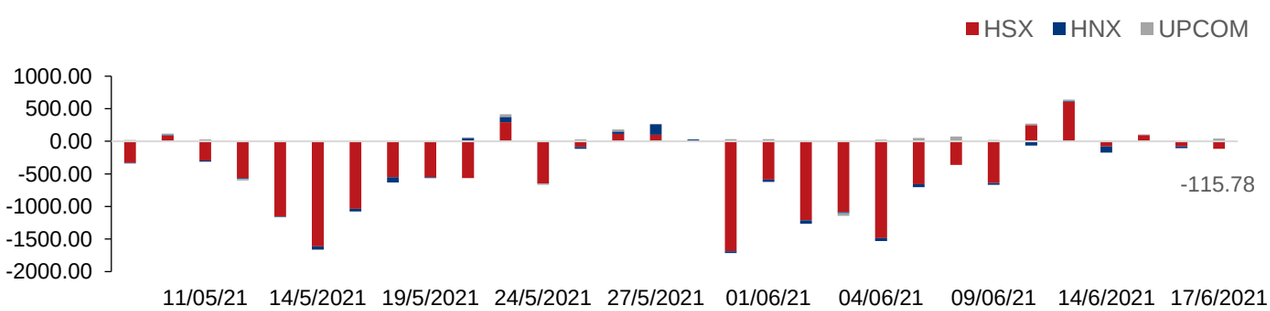

Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	Mua	25/2/21	31.7	41.5	34.9	3,194	10.9	2.5	Click
2	ACV	Vận tải	Mua	13/11/20	68.2	87.6	71.4	577	123.7	4.1	Click
3	AGG	Bất động sản	Mua	19/5/21	47.2	62.1					Click
4	C4G	Xây dựng	Mua	14/12/20	10.2	12.9	10.4	600	17.3	1.0	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	12.5	10.4	-363		0.9	Click
5	CSV	Hóa chất	Theo dõi	22/3/21	32.8	40.0	29.3	3,834	7.6	1.3	Click
6	CTG	Ngân hàng	Mua	25/2/21	37.1	49.4	50.5	4,765	10.6	2.1	Click
8	DCM	Phân bón	Mua	4/1/21	17.5	21.1	20.2	1122.1	18.0	1.7	Click
9	DGC	Hóa chất	Theo dõi	23/2/21	58.4	72.8	81.8	5,505	14.9	3.4	Click
10	DGW	Bán lẻ	Mua	25/2/21	92.1	110.3	126.9	7,653	16.6	4.3	Click
11	DPM	Hóa chất	Mua	11/3/21	19.1	23.0	21.7	1,928	11.2	1.1	Click
12	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	30.8	2,379	12.9	2.1	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	5/11/21	23.4	30.2	24.2	-61		1.9	Click
14	FPT	Viễn thông	Mua	11/3/21	76.7	86.0	82.6	4,103	20.1	4.5	Click
15	GVR	Khu công nghiệp	Mua	9/12/20	20.1	23.6	34.0	1,091	31.1	2.8	Click
16	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/20	27.3	N/a	43.4	7,082	6.1	2.0	Click
17	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	51.4	4,056	12.7	3.5	Click
18	HSG	VLXD	Mua	14/5/21	37.4	47.8	41.8	4,914	8.5	2.5	Click
19	HT1	VLXD	Mua	19/11/20	17.4	19.8	16.8	1,566	10.7	1.2	Click
20	HUT	Xây dựng	Theo dõi	21/5/21	6.5	7.6	8.4	-1,032		0.8	Click
21	KBC	Bất động sản	Mua	28/8/20	13.5	17.1	39.0	1,639	23.8	1.8	Click
22	KDH	Bất động sản	Mua	5/11/21	36.8	42.1	36.9	1,946	19.0	2.7	Click
23	LPB	Ngân hàng	Mua	11/11/20	11.8	14.5	29.5			2.1	Click
24	MPC	Thủy sản	Theo dõi	15/9/20	29.1	33.5	42.0	3,258	12.9	1.6	Click
25	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	63.0	5,257	12.0	2.2	Click
26	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/20	63.9	70.8	103.0	1,281	80.4	7.5	Click
27	MWG	Bán lẻ	Mua	28/12/20	117.3	168.8	139.0	9,051	15.4	3.8	Click
28	NLG	Bất động sản	Mua	21/5/21	36.9	44.6	38.8	4,008	9.7	1.7	Click
29	PLC	Dầu khí	Mua	11/11/20	24.5	34.7	28.0	2,120	13.2	1.7	Click
30	PNJ	Tiêu dùng	Mua	2/3/21	84.7	100.4	95.5	4,974	19.2	3.8	Click
31	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	12.4	1,037	12.0	1.0	Click
32	PRE	Bảo hiểm	Mua	25/12/20	19.9	22.0					Click
33	PVD	Dầu khí	Mua	5/3/21	25.3	29.6	23.6	0	154.0	0.7	Click
34	PVS	Dầu khí	Mua	18/11/20	15.6	18.3	30.0	1,375	21.8	1.2	Click
35	SAB	Tiêu dùng	Theo dõi	17/9/20	188.2	193.3	166.0	7,561	22.0	5.4	Click
36	SBT	Đường	Mua	26/3/21	22.7	27.6	22.6	1,131	19.9	1.8	Click
37	SMC	VLXD	Mua	13/5/21	39.6	48.6	36.4	8272.5	4.4	1.3	Click
38	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	39.8	52.0	50.2	4,074	12.3	2.2	Click
39	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	25/2/21	100.0	131.8	104.2	5,709	18.3	3.8	Click
40	VEA	Vận tải	Theo dõi	18/9/20	44.9	46.6	47.3	4,166	11.4	2.5	Click
41	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	17.5	570	30.7	1.4	Click
42	VHC	Thủy sản	Mua	25/5/21	39.4	47.0	47.5	3,837	12.4	1.6	Click
43	VHM	Bất động sản	Mua	30/11/20	82.6	102.4	109.0	7,874	13.8	3.9	Click
44	VNM	Tiêu dùng	Mua	27/8/20	117.1	122.1	91.0	4,682	19.4	6.1	Click
45	VPB	Ngân hàng	Mua	29/12/20	33.0	40.0	66.0	4,626	14.3	2.9	Click
46	VRE	Bất động sản	Mua	19/10/20	27.6	36.7	32.9	1,175	27.9	2.5	Click
47	VTP	Viễn thông	Theo dõi	284/21	80.5	87.1	102.1	4,060	25.1	7.0	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
2	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
4	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
5	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
6	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
7	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
8	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
9	Banking Sector Outlook		x	Click
10	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
11	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
12	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
13	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
14	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
15	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
16	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
17	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
18	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
19	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
20	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
22	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
23	Fishery Outlook 2021		x	Click
24	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
25	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
26	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click
27	Vĩ Mô Thị trường tháng 8.2020	x		Click
28	Chemical sector Outlook 2H.2020		x	Click
29	Banking sector Outlook 2H.2020		x	Click
30	BSC_Covid làn sóng thứ 2 (Cập nhật lần 4)	x		Click
31	BSC_Vietnam Sector Outlook_3Q2020		x	Click
32	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 7.2020	x		Click
33	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	x		Click
34	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	x		Click
35	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	x		Click
36	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020		x	Click
37	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	x		Click
38	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	x		Click
39	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 2.2020	x		Click
40	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	x		Click

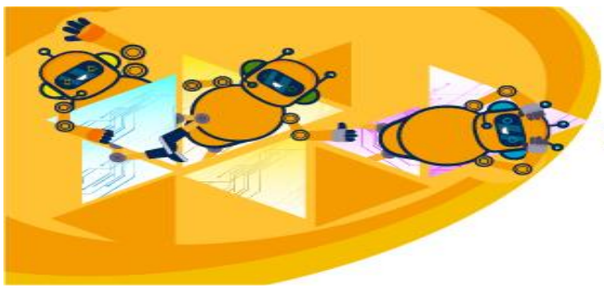

TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.

Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị tường; tra cứu tin tức báo chí,...

Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.

Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.

Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vẫn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây Link

Bản công bố rủi ro Link

Video hướng dẫn sử dụng Link

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
VHC 2021Q2	25/5/21	Khuyến nghị **MUA;** Giá mục tiêu **47000;** Giá tại Publish **39400** **Định giá**: Chúng tôi nâng khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu VHC với giá mục tiêu mới là 47,000 VND (+19.3% so với mức giá ngày 24/05/2021), cao hơn 20% so với giá mục tiêu cũ sau khi (i) kỳ vọng hoạt động kinh doanh hồi phục từ mức nền thấp (ii) tăng mức P/E mục tiêu từ 6.5 lên 9.
VGT 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 19040; Giá tại Publish 16800 **Dự báo KQKD:** BSC dự phóng doanh thu và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ của VGT năm 2021 lần lượt đạt 15,900 tỷ (+13.8% YoY) và 436 tỷ (+33.0% YoY) **Luận điểm đầu tư:** (1) Doanh nghiệp đầu ngành dệt may với quỹ đất sử dụng lớn tại các trung tâm thành phố, (2) Triển vọng hoạt động kinh doanh phục hồi từ đáy khủng hoảng.
NLG 2021Q2	21/5/21	Khuyến nghị **MUA;** Giá mục tiêu **44600** **Dự báo KQKD:** BSC dự báo doanh thu và lợi nhuận năm 2021 của NLG lần lượt ước đạt 6,557 tỷ đồng (+190.2% YoY) và lợi nhuận sau thuế công ty mẹ đạt 1,206 tỷ đồng (+44% YoY). EPS FW 2021 = 4,228 đồng. PE FW 2021 = 8.7 lần.

Room tư vấn Skype ***Room tư vấn Zalo***

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

http://www.bsc.com.vn

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639